



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH
GIÁO DỤC TẠI TP HỒ CHÍ MINH
Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12 tháng 11 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2015 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 363 Hưng Phú, Phường 9, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.39540600
- Fax: (84) 08.39540598
- Website: www.sgd.edu.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 37 người. Trong đó nhân viên quản lý là 9 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|----------------------------|----------|------------------------------|
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Đỗ Thành Lâm | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Ông Nguyễn Trọng Hà | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |

Ban Kiểm soát

- | | | |
|---------------------------|------------|------------------------------|
| • Ông Phan Xuân Phương | Trưởng ban | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Huỳnh Thị Thùy Trang | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |
| • Bà Đỗ Thị Phương Thảo | Ủy viên | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------------|----------------|--|
| • Ông Phạm Cảnh Toàn | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014
Miễn nhiệm ngày 08/03/2016 |
| • Ông Nguyễn Tuấn Kiệt | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2016 |
| • Ông Ngô Trọng Vinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 08/03/2014 |
| • Bà Nguyễn Thị Lan Phương | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm lại ngày 08/03/2014 |

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

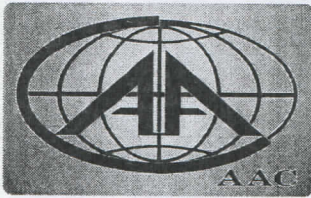
Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 03 năm 2016



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL

Trụ sở chính
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hai Châu, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 267/2016/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 16/03/2016, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Trần Thị Phương Lan - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0396-2013-010-1

Đinh Thị Ngọc Thùy - Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1463-2013-010-1

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		35.213.199.214	50.823.943.116
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	11.068.713.062	20.864.777.723
1. Tiền	111		2.668.713.062	3.364.777.723
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.400.000.000	17.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.937.231.660	1.745.178.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	6.a	2.147.066.380	1.836.812.680
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	6.a	(209.834.720)	(91.634.680)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.710.492.725	16.816.778.039
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	11.875.476.039	11.877.269.953
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	529.366.771	5.717.824.304
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	442.497.185	419.773.914
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.136.847.270)	(1.198.090.132)
IV. Hàng tồn kho	140	11	10.305.131.055	11.296.069.206
1. Hàng tồn kho	141		12.431.977.526	13.547.124.858
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.126.846.471)	(2.251.055.652)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		191.630.712	101.140.148
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12.a	80.290.781	3.999.996
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	97.140.152
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19.b	111.339.931	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		34.362.337.166	20.201.317.322
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.117.450.000	950.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	1.117.450.000	950.000.000
II. Tài sản cố định	220		7.573.185.980	17.944.366.705
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	1.105.029.108	1.270.166.435
- Nguyên giá	222		2.323.963.878	2.166.259.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.218.934.770)	(896.092.955)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	6.468.156.872	16.674.200.270
- Nguyên giá	228		6.468.156.872	16.906.969.677
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(232.769.407)
III. Bất động sản đầu tư	230	15	9.991.179.330	-
- Nguyên giá	231		10.438.812.805	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(447.633.475)	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.037.559.656	119.941.364
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	3.037.559.656	119.941.364
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.285.035.700	840.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	6.b	11.445.035.700	-
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6.b	840.000.000	840.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		357.926.500	347.009.253
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12.b	357.926.500	347.009.253
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		69.575.536.380	71.025.260.438

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		14.686.412.764	16.516.200.072
I. Nợ ngắn hạn	310		14.686.412.764	16.516.200.072
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	9.613.704.270	10.296.062.315
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	45.144.483	245.349.159
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19.a	121.726.914	272.485.835
4. Phải trả người lao động	314		1.843.539.139	2.492.676.778
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	3.022.109.940	3.155.051.967
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	32.353.500	46.739.500
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.834.518	7.834.518
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.889.123.616	54.509.060.366
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	54.889.123.616	54.509.060.366
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	22	41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		41.370.000.000	41.370.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	22	1.712.000.000	1.712.000.000
3. Cổ phiếu quỹ	415	22	(2.035.282.090)	(2.035.282.090)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418	22	4.894.634.920	4.894.634.920
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	22	8.947.770.786	8.567.707.536
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.712.107.536	4.015.236.267
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.235.663.250	4.552.471.269
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		69.575.536.380	71.025.260.438



Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	23	88.084.248.569	98.015.882.660
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	773.449.560	1.146.157.154
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		87.310.799.009	96.869.725.506
4. Giá vốn hàng bán	11	25	69.797.069.407	77.606.082.886
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<u>17.513.729.602</u>	<u>19.263.642.620</u>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	675.770.745	625.610.825
7. Chi phí tài chính	22	27	132.385.711	(27.731.426)
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	28	6.464.814.943	8.549.486.388
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	6.207.303.438	5.508.388.016
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<u>5.384.996.255</u>	<u>5.859.110.467</u>
11. Thu nhập khác	31	29	2.135.604	249.195.828
12. Chi phí khác	32	30	269.743	168.877.534
13. Lợi nhuận khác	40		<u>1.865.861</u>	<u>80.318.294</u>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<u>5.386.862.116</u>	<u>5.939.428.761</u>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	1.151.198.866	1.386.957.492
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>4.235.663.250</u>	<u>4.552.471.269</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.093	1.181
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	1.093	1.181



Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	5.386.862.116	5.939.428.761
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	537.705.883	469.839.022
- Các khoản dự phòng	03	(67.252.003)	(23.032.136)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(666.403.673)	(851.682.587)
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08	5.190.912.323	5.534.553.060
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	4.985.638.119	397.313.510
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	1.115.147.332	4.009.029.725
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(1.697.285.457)	4.828.114.971
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(87.208.032)	315.955.049
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13	(310.253.700)	(1.368.452.600)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.283.700.717)	(1.026.471.138)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(508.404.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	7.913.249.868	12.181.638.577
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(3.075.322.780)	(1.810.375.001)
2. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	-	236.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(11.445.035.700)	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	666.643.951	621.828.420
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(13.853.714.529)	(952.546.581)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.855.600.000)	(4.775.044.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(3.855.600.000)	(4.775.044.500)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(9.796.064.661)	6.454.047.496
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	20.864.777.723	14.410.730.227
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.068.713.062	20.864.777.723

Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Nguyễn Tuấn Kiệt

Nguyễn Thị Lan Phương

Bùi Tuyết Mai

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành theo TT số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

1. Đặc điểm hoạt động

1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 460/QĐ-TC ngày 07 tháng 04 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002336 ngày 20 tháng 05 năm 2004. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 11 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 12 tháng 11 năm 2015 với mã số doanh nghiệp là 0303280405. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý có liên quan.

Vốn điều lệ: 41.370.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2015 của Công ty là 41.370.000.000 đồng, trong đó phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam chiếm 15,28% vốn điều lệ.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội) kể từ ngày 29/11/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 48/TTGDHN – ĐKGD ngày 29/11/2006 của Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SGD.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất và thương mại.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Xuất bản sách (Chi tiết: In và mua bán các loại sách xuất bản của Nhà Xuất bản Giáo dục theo quy định của Nhà Xuất bản Giáo dục; mua bán văn hóa phẩm, ấn phẩm của các Nhà Xuất bản khác);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Chi tiết: Mua bán thiết bị giáo dục, đồ dùng dạy học, thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Chi tiết: Kinh doanh quán ăn uống bình dân (không hoạt động tại trụ sở));
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (thực hiện theo Khoản 1 Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản));
- Giáo dục mầm non;
- Giáo dục tiểu học;
- Giáo dục trung học cơ sở và trung học phổ thông;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Xuất nhập khẩu hàng hóa có liên quan đến ngành nghề, phạm vi kinh doanh của công ty);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu (Chi tiết: Sản xuất tập học sinh (không tái chế phế thải, sản xuất bột giấy tại trụ sở));
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Chi tiết: Bán buôn máy lọc nước).

1.4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2015, Công ty có 1 công ty con: Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai

Địa chỉ: Số 10 Võ Thị Sáu, Phường Quyết Thắng, Thành phố Biên Hòa

Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán sách giáo khoa, sách bài tập, sách tham khảo, các loại ấn phẩm, cung ứng thiết bị trường học.

Tỷ lệ sở hữu: 50,84%

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 37) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán và các công cụ tài chính khác (thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi,...) được Công ty nắm giữ vì mục đích kinh doanh.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm: giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác

Công ty con là một doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mọi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác là các khoản đầu tư mà công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với công ty nhận đầu tư

Các khoản đầu tư vào công ty con và đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

Dự phòng

Dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty. Riêng khoản đầu tư góp vốn dài hạn vào công ty khác, việc lập dự phòng được thực hiện như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá thị trường của cổ phiếu;
- Trong trường hợp không xác định được giá thị trường của cổ phiếu thì dự phòng được trích lập căn cứ vào phần vốn tổn thất trên báo cáo tài chính của bên nhận đầu tư.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác.

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6
Phương tiện vận tải	6
Tài sản cố định khác	4

4.7 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất có thời hạn	50

4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 năm đến 3 năm.
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.10 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác.

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.11 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.12 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ là khoản tiền phải trả để mua lại cổ phiếu do Công ty đã phát hành và các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua lại này.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ; Cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.13 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.14 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.15 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ cung cấp được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.16 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.17 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.19 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng:
 - ✓ Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa, giáo trình: Thuộc đối tượng không chịu thuế.
 - ✓ Các loại từ điển và các loại sách tham khảo không thuộc loại hỗ trợ sách giáo khoa: Áp dụng thuế suất 5%.
 - ✓ Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất là 22%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	272.314.073	216.270.715
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.396.398.989	3.148.507.008
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn dưới 3 tháng	8.400.000.000	17.500.000.000
Cộng	11.068.713.062	20.864.777.723

6. Các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	2.147.066.380	1.983.499.960	(209.834.720)	1.836.812.680	1.754.100.000	(91.634.680)
+ Công ty CP Sách GD TP Hà Nội (EBS)	1.805.534.680	1.595.699.960	(209.834.720)	1.805.534.680	1.713.900.000	(91.634.680)
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Hà Nội (EID)	341.531.700	387.800.000	-	31.278.000	40.200.000	-
Cộng	2.147.066.380	1.983.499.960	(209.834.720)	1.836.812.680	1.754.100.000	(91.634.680)

Biến động trong năm

	Tăng trong năm		Giảm trong năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Tổng giá trị cổ phiếu	24.700	310.253.700	-	-
+ Công ty CP Sách GD TP Hà Nội (EBS)	-	-	-	-
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển GD Hà Nội (EID)	24.700	310.253.700	-	-
Cộng	24.700	310.253.700	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Tình hình hoạt động	31/12/2015				01/01/2015		
		Tỷ lệ vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Số lượng cổ phiếu	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào Công ty con					11.445.035.700	-	-	-
- Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai (i)	<i>Đang hoạt động</i>	50,84%	50,84%	925.300	11.445.035.700	-	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác					840.000.000	-	840.000.000	-
- Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng (ii)	<i>Đang hoạt động</i>	5,30%	5,30%	46.200	840.000.000	-	840.000.000	-
Cộng					12.285.035.700	-	840.000.000	-

(i) Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai đang có lãi, vốn chủ sở hữu được bảo toàn.

(ii) Cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty CP Thiết bị Trường học Sóc Trăng và cổ phiếu của Công ty này chưa được niêm yết tại các sàn giao dịch và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Do đó, khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Trường học Đắc Lắc	760.310.180	1.382.781.966
Các đối tượng khác	11.115.165.859	10.494.487.987
Cộng	11.875.476.039	11.877.269.953

Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty liên quan	31/12/2015	31/12/2014
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	145.312.010	-
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	204.036.263	289.266.656
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	148.772.621	166.460.750
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	320.751.124	-
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	159.601.023	203.656.380
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	496.369.724	474.493.578
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	332.406.130	314.149.435
Các đối tượng khác	147.141	93.073.041
Cộng	1.807.396.036	1.541.099.840

8. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Tư vấn XD Thương mại Đại Cường Phát	-	735.000.000
Công ty TNHH TV-TK-XD Tuấn Thịnh Cường	-	80.000.000
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Thành Đạt	434.160.968	-
Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	-	4.855.728.258
Các đối tượng khác	95.205.803	47.096.046
Cộng	529.366.771	5.717.824.304

9. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi dự thu	18.822.222	-	19.062.500	-
Tạm ứng	93.298.963	-	49.200.000	-
Ký quỹ	252.076.000	-	290.075.994	-
Phải thu khác	78.300.000	-	61.435.420	-
Cộng	442.497.185	-	419.773.914	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Dài hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (*)	1.117.450.000	-	950.000.000	-
Cộng	1.117.450.000	-	950.000.000	-

(*) Là khoản góp vốn với Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam theo Hợp đồng số 005/SGD/2014/ĐTXB ngày 25/08/2014 để tham gia đầu tư vào Quỹ đầu tư xuất bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cho hoạt động xuất bản sách giáo khoa và sách bổ trợ. Thời gian hợp tác đầu tư là 5 năm.

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2015	01/01/2015
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn:		
+ Trên 3 năm	1.010.114.069	1.198.090.132
+ Từ 2 năm đến dưới 3 năm	10.843.664	-
+ Từ 1 năm đến dưới 2 năm	92.836.978	-
+ Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	23.052.559	-
Cộng	1.136.847.270	1.198.090.132

11. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	392.656.806	-	144.241.612	-
Chi phí SX, KD dở dang	2.711.009.855	-	5.015.253.316	-
Thành phẩm	9.256.351.943	2.126.846.471	8.123.088.804	2.251.055.652
Hàng hóa	71.958.922	-	264.541.126	-
Cộng	12.431.977.526	2.126.846.471	13.547.124.858	2.251.055.652

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, khó tiêu thụ tại thời điểm 31/12/2015 là: 2.039.071.252 đồng.

Giá trị hàng tồn kho cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2015 là 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	68.000.000	-
Chi phí trả bảo hiểm chờ phân bổ	12.290.781	3.999.996
Cộng	80.290.781	3.999.996

b. Dài hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	-	20.463.753
Chi phí tổ chức bán thảo	357.926.500	326.545.500
Cộng	357.926.500	347.009.253

13. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	P.tiện vận tải truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	352.634.937	1.813.624.453	-	2.166.259.390
Mua sắm trong năm	-	-	157.704.488	157.704.488
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	352.634.937	1.813.624.453	157.704.488	2.323.963.878
Khấu hao				
Số đầu năm	117.544.978	778.547.977	-	896.092.955
Khấu hao trong năm	58.772.484	254.212.800	9.856.531	322.841.815
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	176.317.462	1.032.760.777	9.856.531	1.218.934.770
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	235.089.959	1.035.076.476	-	1.270.166.435
Số cuối năm	176.317.475	780.863.676	147.847.957	1.105.029.108

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 288.345.517 đồng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định đang cầm cố, thế chấp tại ngày 31/12/2015 là 0 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất 363 Hưng Phú	Quyền sử dụng đất huyện Bình Chánh	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	6.468.156.872	10.438.812.805	16.906.969.677
Mua trong năm	-	-	-
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	-	10.438.812.805	10.438.812.805
Số cuối năm	6.468.156.872	-	6.468.156.872
Khấu hao			
Số đầu năm	-	232.769.407	232.769.407
Khấu hao trong năm	-	214.864.068	214.864.068
Chuyển sang Bất động sản đầu tư	-	447.633.475	447.633.475
Số cuối năm	-	-	-
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	6.468.156.872	10.206.043.398	16.674.200.270
Số cuối năm	6.468.156.872	-	6.468.156.872

Quyền sử dụng đất lâu dài tại số nhà 363 Hưng Phú, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 151,2 m². Mục đích sử dụng: dùng để xây dựng văn phòng làm việc Công ty.

15. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất huyện Bình Chánh	Cộng
Nguyên giá		
Số đầu năm	-	-
Chuyển từ TSCĐ vô hình sang	10.438.812.805	10.438.812.805
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	10.438.812.805	10.438.812.805
Giá trị tổn thất do suy giảm giá trị		
Số đầu năm	-	-
Chuyển từ TSCĐ vô hình sang	447.633.475	447.633.475
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	447.633.475	447.633.475
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	9.991.179.330	9.991.179.330

Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/07/2062 tại thửa đất số 159, xã Đa Phước, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích 595,8 m². Công ty đang có kế hoạch chuyển nhượng quyền sử dụng đất này thay cho việc dự kiến xây dựng nhà kho như trước đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
Xây dựng nhà 363 Hưng Phú	3.037.559.656	119.941.364
Cộng	<u>3.037.559.656</u>	<u>119.941.364</u>

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	1.348.393.359	1.102.904.623
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	963.131.829	363.582.604
Trương Kim Oanh	802.000.000	802.000.000
Ngô Ngọc Nhị (Lâm Đồng)	682.425.000	557.625.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	499.556.663	208.990.287
Các đối tượng khác	5.318.197.419	7.260.959.801
Cộng	<u>9.613.704.270</u>	<u>10.296.062.315</u>

Trong đó: Phải trả người bán là các bên có liên quan

Công ty liên quan	31/12/2015	31/12/2014
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	59.548.075	78.109.760
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	6.101.022	-
Công ty CP Sách Dân Tộc	412.474.453	129.916.053
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	228.106.170	272.018.060
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo dục Đà Nẵng	137.167.072	106.146.982
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	499.556.663	208.990.287
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo dục Gia Định	368.811.644	146.163.958
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo dục Hà Nội	1.348.393.359	1.102.904.623
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. HCM	122.166.830	-
Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	-	138.750.000
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Bắc	271.539.290	-
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	106.562.867	-
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	375.025.133	346.198.863
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	963.131.829	363.582.604
Các đối tượng khác	65.823.372	240.479.816
Cộng	<u>4.964.407.779</u>	<u>3.133.261.006</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Trường Tiểu học Phong Phú	-	52.500.000
Trường THCS Trần Văn Ôn	-	53.000.000
Công ty CP Công Nghệ Giáo Dục 3A	12.918.850	80.255.566
Phòng Giáo dục và Đào Tạo huyện Bến Lức	19.421.284	-
Các đối tượng khác	12.804.349	59.593.593
Cộng	45.144.483	245.349.159

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

a. Phải nộp

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	164.581.690	1.151.198.866	1.283.700.717	32.079.839
Thuế thu nhập cá nhân	107.904.145	509.743.401	528.000.471	89.647.075
Cộng	272.485.835	1.660.942.267	1.811.701.188	121.726.914

b. Phải thu

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT	97.140.152	873.151.362	887.351.141	111.339.931
Cộng	97.140.152	873.151.362	887.351.141	111.339.931

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí bán thảo, biên tập	2.139.794.948	1.995.832.812
Chi phí hoa hồng môi giới	814.623.992	1.109.219.155
Chi phí khác	67.691.000	50.000.000,00
Cộng	3.022.109.940	3.155.051.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Cổ tức phải trả	2.203.500	2.203.500
Phải trả khác	30.150.000	44.536.000
Cộng	<u>32.353.500</u>	<u>46.739.500</u>

22. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2014	41.370.000.000	1.712.000.000	(2.035.282.090)	1.517.632.156	2.862.449.329	9.341.829.499
Tăng trong năm	-	-	-	-	514.553.435	4.552.471.269
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	5.326.593.232
Số dư tại 31/12/2014	<u>41.370.000.000</u>	<u>1.712.000.000</u>	<u>(2.035.282.090)</u>	<u>1.517.632.156</u>	<u>3.377.002.764</u>	<u>8.567.707.536</u>
Chuyển số dư (*)				(1.517.632.156)	1.517.632.156	
Số dư tại 01/01/2015	41.370.000.000	1.712.000.000	(2.035.282.090)	-	4.894.634.920	8.567.707.536
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	4.235.663.250
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	3.855.600.000
Số dư tại 31/12/2015	<u>41.370.000.000</u>	<u>1.712.000.000</u>	<u>(2.035.282.090)</u>	<u>-</u>	<u>4.894.634.920</u>	<u>8.947.770.786</u>

(*) Chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển theo quy định của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015
Vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	6.320.000.000	6.320.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	32.236.000.000	32.236.000.000
Cổ phiếu quỹ	2.814.000.000	2.814.000.000
Cộng	<u>41.370.000.000</u>	<u>41.370.000.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.137.000	4.137.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.137.000	4.137.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	281.400	281.400
- Cổ phiếu phổ thông	281.400	281.400
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.855.600	3.855.600
- Cổ phiếu phổ thông	3.855.600	3.855.600
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	8.567.707.536	9.341.829.499
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.235.663.250	4.552.471.269
Phân phối lợi nhuận	3.855.600.000	5.326.593.232
Phân phối lợi nhuận kỳ trước (*)	3.855.600.000	5.326.593.232
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	514.553.435
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	185.319.797
- Trả cổ tức cho các cổ đông	3.855.600.000	4.626.720.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối năm	8.947.770.786	8.567.707.536

(*) Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2014 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 78/NQ-SGD ngày 07/03/2015.

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu sách giáo khoa, sách tham khảo	87.754.096.718	97.655.335.803
Doanh thu khác	330.151.851	360.546.857
Cộng	88.084.248.569	98.015.882.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
Hàng bán bị trả lại	773.449.560	1.146.157.154
Cộng	773.449.560	1.146.157.154

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn sách giáo khoa, sách tham khảo	69.476.926.189	77.277.493.289
Giá vốn hoạt động khác	320.143.218	328.589.597
Cộng	69.797.069.407	77.606.082.886

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi	512.263.673	583.682.587
Cổ tức, lợi nhuận được chia	154.140.000	32.000.000
Chiết khấu thanh toán nhanh	9.367.072	9.928.238
Cộng	675.770.745	625.610.825

27. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chiết khấu thanh toán	14.185.671	16.860.699
Trích dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	118.200.040	(44.725.400)
Chi phí tài chính khác	-	133.275
Cộng	132.385.711	(27.731.426)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền lương	2.843.629.048	3.726.558.271
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	490.978.490	378.168.995
Chi phí hoa hồng môi giới	1.131.902.564	809.883.912
Các khoản khác	1.998.304.841	3.634.875.210
Cộng	6.464.814.943	8.549.486.388

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm

	Năm 2015	Năm 2014
Tiền lương	2.573.489.169	2.227.706.876
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	500.484.436	455.723.340
Các khoản khác	3.133.329.833	2.824.957.800
Cộng	6.207.303.438	5.508.388.016

29. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thu nhập từ bán phế liệu, công cụ dụng cụ	1.500.000	12.797.591
Thu thanh lý tài sản cố định	-	236.000.000
Các khoản khác	635.604	398.237
Cộng	2.135.604	249.195.828

30. Chi phí khác

	Năm 2015	Năm 2014
Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	-	168.548.703
Các khoản khác	269.743	328.831
Cộng	269.743	168.877.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.386.862.116	5.939.428.761
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	(154.140.000)	195.198.703
- Điều chỉnh tăng	-	227.198.703
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	-	58.650.000
+ Phạt chậm nộp, vi phạm hành chính thuế	-	168.548.703
- Điều chỉnh giảm (cổ tức nhận được)	154.140.000	32.000.000
Tổng thu nhập chịu thuế	5.232.722.116	6.134.627.464
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.151.198.866	1.386.957.492
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh năm này	1.151.198.866	1.349.618.042
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm này	-	37.339.450

32. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	4.235.663.250	4.552.471.269
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(20.500.000)	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm	20.500.000	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.215.163.250	4.552.471.269
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.855.600	3.855.600
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.093	1.181

33. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.493.426.926	22.203.146.144
Chi phí nhân công	5.418.847.433	5.932.526.945
Chi phí khấu hao tài sản cố định	537.705.883	469.839.022
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.353.546.582	18.057.721.273
Chi phí khác bằng tiền	6.150.296.044	5.312.918.468
Cộng	36.953.822.868	51.976.151.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác. Ban Giám đốc Công ty đánh giá rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chủ yếu là xuất bản, kinh doanh sách và thiết bị giáo dục và bộ phận địa lý chính là nước Việt Nam.

35. Quản lý rủi ro

Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về giá.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa, nguyên liệu từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc biến động giá. Tuy nhiên, nhà cung cấp là các Công ty thành viên của Nhà xuất bản và đặc thù của lĩnh vực giáo dục là giá mua vào ổn định, ít biến động. Do đó, Công ty cho rằng rủi ro về giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức thấp.

Quản lý rủi ro tín dụng

Khách hàng của Công ty bao gồm các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các đại lý, Sở giáo dục, trường học... , các Công ty không nằm trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam:

- Đối với khách hàng là các Công ty trong hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.
- Đối với khách hàng là các đại lý, Sở Giáo dục, trường học, các Công ty không thuộc hệ thống Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam: Công ty có quy định chặt chẽ về điều khoản thanh toán trong hợp đồng mua bán, theo đó quy định hạn mức nợ tối đa cho phép của khách hàng. Ban Giám đốc Công ty cho rằng với chính sách về tín dụng được quy định cụ thể như vậy sẽ giảm thiểu được rủi ro tín dụng trọng yếu với các khách hàng này.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các khoản nợ tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

Đơn vị tính: VND

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	9.613.704.270	-	9.613.704.270
Chi phí phải trả	3.022.109.940	-	3.022.109.940
Phải trả khác	32.353.500	-	32.353.500
Cộng	12.668.167.710	-	12.668.167.710

01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	10.296.062.315	-	10.296.062.315
Chi phí phải trả	3.155.051.967	-	3.155.051.967
Phải trả khác	46.739.500	-	46.739.500
Cộng	13.497.853.782	-	13.497.853.782

Ban Giám đốc cho rằng Công ty hầu như không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.068.713.062	-	11.068.713.062
Đầu tư tài chính	1.937.231.660	840.000.000	2.777.231.660
Phải thu khách hàng	10.738.628.769	-	10.738.628.769
Phải thu khác	349.198.222	1.117.450.000	1.466.648.222
Cộng	24.093.771.713	1.957.450.000	26.051.221.713

01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.864.777.723	-	20.864.777.723
Đầu tư tài chính	1.745.178.000	840.000.000	2.585.178.000
Phải thu khách hàng	10.679.179.821	-	10.679.179.821
Phải thu khác	370.573.914	950.000.000	1.320.573.914
Cộng	33.659.709.458	1.790.000.000	35.449.709.458

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

36. Thông tin về các bên liên quan

a. Các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV NXBGD Việt Nam	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hà Nội	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Đà Nẵng	Công ty đầu tư
NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
CN NXBGD tại TP. Cần Thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	Công ty con
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	Chung công ty đầu tư
Tạp Chí Toán Tuổi Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dân Tộc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Giáo dục Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát Triển Giáo dục Phương Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Xuất Bản Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bản Giáo dục Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bản Giáo dục Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học Liệu (EMCO)	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mĩ Thuật Và Truyền Thông	Chung công ty đầu tư
CN Nhà Xuất Bản Giáo dục tại TP. Cần Thơ	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Bắc	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Nam	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo dục Miền Trung	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Dịch Vụ Từ Điển Giáo dục	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo dục Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ kế toán

Công ty liên quan	Năm 2015	Năm 2014
Bán hàng		
Công ty Cổ phần Sách Đại Học Dạy nghề	11.301.710	-
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	9.740.404.681	12.816.248.716
Công ty CP Sách - Thiết bị Trường học Đồng Nai	643.864.658	482.432.326
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục tại Đà Nẵng	203.898.000	170.742.000
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	32.463.200	393.645.140
Công ty Cổ phần Học Liệu (EMCO)	609.808.930	390.760.305
CN Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Cần Thơ	83.709.350	73.080.638
Công ty TNHH MTV Nhà Xuất Bản Giáo Dục Việt Nam	32.111.220	82.786.000
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	584.270.277	668.822.765
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	177.879.570	271.188.440
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Trung	247.694.925	60.580.990
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	3.525.884.440	4.349.557.892
Công ty CP Sách Dịch Vụ Từ Điển Giáo Dục	23.463.000	64.139.000
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	5.254.021.170	3.400.990.240
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Đà Nẵng	-	144.504.600
Công ty CP Sách - Thiết bị Bến Tre	695.584.505	1.717.898.510
Công ty CP Sách - Thiết bị Giáo Dục Bình Dương	654.684.815	627.779.356
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	551.790.533	569.539.800
Công ty CP Sách và Thiết bị trường học Tiền Giang	1.732.954.089	722.175.131
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học Trà Vinh	414.957.422	890.624.363
Công ty CP Sách và Thiết bị Trường học TP. Hồ Chí Minh	839.526.738	780.117.965
Công ty CP Sách và Thiết bị Vĩnh Long	1.300.433.404	1.299.602.024
Mua hàng		
Công ty CP Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục	3.197.244.000	1.924.007.000
Tạp Chí Toán Học Và Tuổi Trẻ	76.194.622	81.118.426
Công ty CP Sách Dân Tộc	2.498.477.520	2.754.564.440
Công ty CP Sách Đại Học Dạy nghề	770.344.620	947.238.360
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Đà Nẵng	421.505.840	385.404.440
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo Dục Hà Nội	490.566.376	680.717.676
Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Giáo Dục Phương Nam	7.223.889.400	4.192.411.564
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Gia Định	422.647.686	262.611.266
Công ty CP Dịch Vụ Xuất Bản Giáo Dục Hà Nội	1.577.951.936	3.083.435.000
Công ty CP Mĩ Thuật Và Truyền Thông	315.353.266	308.621.394
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. HCM	1.831.677.405	2.359.498.280
Nhà Xuất Bản Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	194.250.000	288.750.000
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Bắc	891.802.990	284.742.020
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Cửu Long	2.275.962.900	1.899.311.370
Công ty CP Sách và Thiết Bị Giáo Dục Miền Nam	5.103.700.365	4.346.908.830
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Đà Nẵng	4.895.973.010	5.247.645.810
Công ty CP Sách Giáo Dục tại TP. Hà Nội	6.486.052.983	4.064.338.225

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Các giao dịch khác

		Năm 2015	Năm 2014
Ban Giám đốc	Tiền lương, tiền thưởng	1.065.385.000	822.323.810
Hội đồng quản trị	Tiền thù lao	224.000.000	176.200.000

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo thông báo số 504/SGD ngày 15/12/2015, Công ty đã thực hiện chào bán 281.400 cổ phiếu quỹ. Mục đích bán cổ phiếu quỹ: cơ cấu lại vốn chủ sở hữu. Thời hạn giao dịch: từ ngày 04/01/2016 đến hết ngày 02/02/2016. Phương thức giao dịch: khớp lệnh và giao dịch thỏa thuận. Kết thúc thời gian thực hiện giao dịch (02/02/2016), số lượng cổ phiếu quỹ đã được bán là 187.400 cổ phiếu và số lượng cổ phiếu quỹ hiện có là 94.000 cổ phiếu.

Công ty đã thực hiện chốt quyền họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 và tạm ứng cổ tức năm 2015 với tỷ lệ 10%, ngày đăng ký cuối cùng: 17/02/2016.

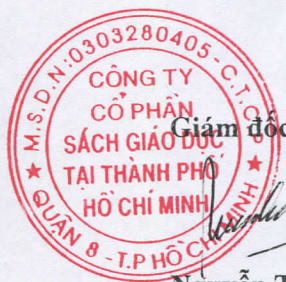
Ngoài ra, không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

38. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu so sánh trên Báo cáo tài chính đã được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	31/12/2014	01/01/2015 (Trình bày lại)
Phải thu ngắn hạn khác	80.497.920	419.773.914
Tài sản ngắn hạn khác	339.275.994	-
Phải thu dài hạn khác	-	950.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.790.000.000	840.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	3.377.002.764	4.894.634.920
Quỹ dự phòng tài chính	1.517.632.156	-



Giám đốc

Nguyễn Tuấn Kiệt

Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Lan Phương

Người lập biểu

Bùi Tuyết Mai